

Số: 198/2020/QĐST-HNGĐ

Liên Chiều, ngày 18 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 463/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Lê T – sinh năm 1968; trú tại: Tổ 37, phường H, quận L, TP Đ và bà Huỳnh Thị Đ – sinh năm 1968; trú tại: Tổ 14, phường H, quận L, TP Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê T và bà Huỳnh Thị Đ kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, TP Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 86, quyển số 01/2008 ngày 15 tháng 10 năm 2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến nay thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Nay cả hai ông bà xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông Lê T và bà Huỳnh Thị Đ đã tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Lê T và bà Huỳnh Thị Đ xác định có 01 con chung là Lê Huỳnh Phúc T – sinh ngày 27.5.2009, hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà Huỳnh Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Huỳnh Phúc T, ông Lê T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Xét sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về quan hệ chia tài sản: Ông Lê T và bà Huỳnh Thị Đ xác định không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ ông bà.

[4] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Lê T và bà Huỳnh Thị Đ chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê T và bà Huỳnh Thị Đ thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về quan hệ con chung:* Giao 01 con chung Lê Huỳnh Phúc Th sinh ngày 27.5.2020 cho bà Huỳnh Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*), ông Lê Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ chia tài sản:* Ông Lê T và bà Huỳnh Thị Đ xác định không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ ông bà.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Lê T và bà Huỳnh Thị Đ phải nộp và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004817 ngày 02 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ông Th và bà Đ đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND phường Hòa Hiệp Bắc;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Hữu Vinh